

Bản án số: 647/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11-7-2018

V/v “tranh chấp về ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Lê Diễm Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Quang

2. Bà Nguyễn Thị Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đài Trang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trí N, sinh năm 1967, địa chỉ: N1, phường T, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ánh N2, sinh năm 1965, địa chỉ: B, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn là ông Nguyễn Trí N trình bày:

Ông và bà Lê Thị Ánh N2 chung sống và tự nguyện kết hôn vào năm 1989, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống, đời sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên gây gổ, cãi vã khiến cho cuộc sống chung ngột

ngạt và mệt mỏi. Hai bên đã đưa ra nhiều biện pháp khắc phục và cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng tình trạng vẫn không thay đổi. Hai bên đã sống ly thân từ 02 năm nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Do nhận thấy không còn tình cảm với bà N2 và không thể hàn gắn được nữa nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà N2 để ổn định cuộc sống riêng của mỗi người.

Về con chung: Ông và bà N2 có 03 con chung tên là Nguyễn Lê Minh K – sinh năm 1990, Nguyễn Lê Đăng K1 – sinh năm 1993 và Nguyễn Lê Ngọc T2 – sinh năm 1995. Cả 03 con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

Nợ chung: Không có.

Bị đơn, bà Lê Thị Ánh N2 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để cung cấp lời khai, thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ ý kiến gì về vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Trí N vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà N2 vì hai bên có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình dẫn đến việc thường xuyên cãi vã, thiếu tôn trọng nhau làm cho cuộc sống chung ngột ngạt. Ông đã suy nghĩ kỹ, đã cho nhau cơ hội nhưng không hàn gắn được, hai bên đã sống ly thân từ năm 2015, hiện không còn tình cảm gì với nhau nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N2 để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung ông N vẫn giữ ý kiến như trình bày ở trên.

Bị đơn, bà Lê Thị Ánh N2 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, còn thời hiệu khởi kiện, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp.

- Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và trình bày của nguyên đơn, xét thấy mâu thuẫn giữa ông N và bà N2 kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không thể tiếp tục chung sống nên căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Nguyên đơn – ông Nguyễn Trí N nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là bà Lê Thị Ánh N2. Theo xác minh của Công an Phường X, quận Y Thành phố Hồ Chí Minh thì bà N2 có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại B, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Lê Thị Ánh N2 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N2.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của ông N: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 56, quyển số 01/89 ngày 13/6/1989 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Trí N và bà Lê Thị Ánh N2 là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn. Theo ông N trình bày, từ năm 2010 hai bên có nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, đã nhiều lần tìm cách khắc phục, cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không được, cuộc sống chung ngột ngạt, mệt mỏi làm cho tình cảm vợ chồng cũng không còn. Tòa án nhiều lần triệu tập bà N2 để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của ông N, để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà N2 đều vắng mặt không có lý do, không có bất cứ ý kiến trình bày nào, không thể hiện được thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và theo ông N khai thì hai bên đã sống ly thân từ 03 năm nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau, ông cũng không còn tình cảm gì với bà N2. Hội đồng xét xử xét thấy, trong quan hệ vợ chồng giữa hai bên đã không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc nhau, mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của ông N là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Ông N và bà N2 có 03 con chung tên là Nguyễn Lê Minh K – sinh ngày 25/9/1990, Nguyễn Lê Đăng K1 – sinh ngày 1993 và

Nguyễn Lê Ngọc T2 – sinh năm 1995. Cả 03 con chung đều đã thành niên, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông N yêu cầu tự hai bên thỏa thuận.

[2.4] Về nợ chung: Ông N khai không có.

Bà N2 không có ý kiến trình bày gì về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu của ông Nguyễn Trí N là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016, ông Nguyễn Trí N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được cân trừ toàn bộ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007618 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn – ông Nguyễn Trí N:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trí N được ly hôn với bà Lê Thị Ánh N2.

- Về con chung: Ông N và bà N2 có 03 con chung tên là Nguyễn Lê Minh K – sinh 1990, Nguyễn Lê Đăng K1 – sinh năm 1993 và Nguyễn Lê Ngọc T2 – sinh năm 1995. Cả 03 con chung đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Do ông Nguyễn Trí N phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được cân trừ toàn bộ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007618 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Trí N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Ánh N2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Tân Bình;
- UBND Phường A, Q.C;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Lê Diễm Thúy